

Bản án số: **3330/2026/DS-ST**

Ngày: 20/7/2026

V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiệp,
Bà Trương Hồng Phượng.

- *Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký viên
Toà án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Mai Hảo, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1), số 200/27 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2500/2026/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2026, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 781/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S** (Tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP S1); địa chỉ: 278 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện ủy quyền: anh Trần Đức T (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh ngày: 14/4/1996, số CMND: 245322398. Địa chỉ: 72 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, nội dung vụ án như sau:

Ngày 18/3/2019, ông Nguyễn Đức T có ký hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần S (Tên gọi cũ là: Ngân hàng thương mại cổ phần S1- gọi tắt là: Ngân hàng):

Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Ông Nguyễn Đức T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 88.469.055 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 62.417.450 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng).

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đức T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng cộng 67.553.233 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 57.441.451 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng), rồi ngưng không thanh toán tiếp theo các đợt đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngày 23/12/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 và thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918.

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu: tính đến ngày 05/6/2026 ông Nguyễn Đức T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là: 124.025.898 đồng, trong đó:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: dư nợ gốc: 10.860.294 đồng, lãi quá hạn: 28.108.938 đồng, tổng cộng: 38.969.232 đồng.

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: dư nợ gốc: 23.704.001 đồng, lãi quá hạn: 61.352.665 đồng, tổng cộng: 85.056.666 đồng.

Cách thức thanh toán: thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T:*

Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 2500/2026/TB-TLVA ngày 03 tháng 4 năm 2026; giấy triệu tập tự khai; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Nguyễn Đức T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có Đơn yêu cầu vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T thanh toán nợ vay thẻ tín dụng cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 05/6/2026 tổng cộng là: 124.025.898 đồng, trong đó:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: dư nợ gốc:

10.860.294 đồng, lãi quá hạn: 28.108.938 đồng, tổng cộng: 38.969.232 đồng.

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: dư nợ gốc: 23.704.001 đồng, lãi quá hạn: 61.352.665 đồng, tổng cộng: 85.056.666 đồng.

Cách thức thanh toán: thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện của nguyên đơn:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là: Ngân hàng) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

Ngân hàng có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 36/QĐ-QLGS4 ngày 01/6/2026 của Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng Ngân hàng nhà nước Việt Nam v/v sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP S1. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Tổng giám đốc Ngân hàng có văn bản ủy quyền thường xuyên cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S1 ký Đơn khởi kiện; sau đó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S1 đã có văn bản ủy quyền lại cho anh Trần Đức T tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông Nguyễn Đức T, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ Ngân hàng, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; bản phô tô giấy CCCD/CMND của ông Nguyễn Đức T; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông Nguyễn Đức T cư trú ghi trên hợp đồng tín dụng: 72 Nguyễn Hữu T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, kết quả xác minh của Tòa án như sau:

Kết quả trả lời xác minh của Ban chỉ huy Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại địa chỉ số 72 Nguyễn Hữu T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không có đương sự Nguyễn Đức T đăng ký HKTT, tạm trú và không thực tế cư trú.

Kết quả trả lời xác minh của Ban chỉ huy Công an xã Đ, Huyện Đ, Tỉnh Đ: Công dân Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, Huyện Đ, Tỉnh Đ. Hiện tại công dân Nguyễn Đức T đăng ký tạm trú tại: 33 P, Khu phố 1, Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả trả lời xác minh của Ban chỉ huy Công an Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh: Công dân Nguyễn Đức T không thực tế cư trú tại 33 P, Khu phố 1, Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T đã thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên việc “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Ông Nguyễn Đức T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 88.469.055 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 62.417.450 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng).

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đức T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng cộng 67.553.233 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 57.441.451 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng).

Như vậy, Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Đức T. Hết thời hạn quy định của các văn bản tố tụng, Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] Về số nợ vốn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Thông báo về việc quá hạn thanh toán dư nợ vay và dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng; Thông báo nhắc nợ; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng; bảng tính gốc, lãi khách hàng,... do Ngân hàng lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện ông Nguyễn Đức T là người xác lập giao dịch dân sự mở thẻ tín dụng với Ngân hàng:

Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Ông Nguyễn Đức T đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 88.469.055 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 62.417.450 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng).

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đức T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng cộng 67.553.233 đồng (Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 số tiền 57.441.451 đồng; Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918 số tiền 10.111.782 đồng), rồi ngưng không thanh toán tiếp theo các đợt đã thỏa thuận với Ngân hàng.

Ngày 23/12/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292 và thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918.

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 05/6/2026 ông Nguyễn Đức T còn nợ:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: dư nợ gốc: 10.860.294 đồng.

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: dư nợ gốc: 23.704.001 đồng.

[8.2] Về nợ lãi suất:

Ngân hàng và ông Nguyễn Đức T thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng).

Hội đồng xét xử xét, lãi suất thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng:

Thẻ JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Thẻ VS payWave Credit Classic số 472074-0918, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%, lãi quá hạn 3,9%, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 05/6/2026 ông Nguyễn Đức T còn nợ:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: lãi quá hạn: 28.108.938 đồng.

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: lãi quá hạn: 61.352.665 đồng.

Hội đồng xét xử xét, đây là lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức T, phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng), nên chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Nguyễn Đức T là người yêu cầu Ngân hàng mở 02 thẻ tín dụng, tính đến ngày 05/6/2026 ông Nguyễn Đức T còn nợ Ngân hàng tổng cộng là: 124.025.898 đồng, trong đó gồm:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: dư nợ gốc: 10.860..294 đồng, lãi quá hạn: 28.108.938 đồng, tổng cộng: 38.969.232 đồng.

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: dư nợ gốc: 23.704.001 đồng, lãi quá hạn: 61.352.665 đồng, tổng cộng: 85.056.666 đồng.

Việc ông Nguyễn Đức T là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T thanh toán khoản nợ tổng cộng là 124.025.898 đồng, nêu trên, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, ông Nguyễn Đức T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 06/6/2026, cho đến khi ông Nguyễn Đức T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự là 6.201.294 đồng (làm tròn số).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 2.170.534 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tạm tính đến ngày 05/6/2026 tổng cộng là: 124.025.898 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi tám đồng), trong đó gồm:

Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Credit Classic số 356480-5292: dư nợ gốc: 10.860.294 đồng (Mười triệu tám trăm sáu mươi ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn: 28.108.938 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm lẻ tám ngàn chín trăm ba mươi tám đồng), tổng cộng: 38.969.232 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm ba mươi hai đồng).

Thẻ tín dụng VS payWave Credit Classic số 472074-0918: dư nợ gốc: 23.704.001 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn không trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn: 61.352.665 đồng (Sáu mươi một triệu ba trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng), tổng cộng: 85.056.666 đồng (Tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Đồng thời, ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Cách thức thanh toán: ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền 124.025.898 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi tám đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự là 6.201.294 đồng (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng).

Ông Nguyễn Đức T nộp số tiền án phí dân sự 6.201.294 đồng (Sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm chín mươi bốn đồng) nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 2.170.534 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi ngàn năm trăm ba mươi bốn đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23P số 0008179, ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Nguyễn Đức T, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu theo Điều 34 Luật thi hành án dân sự:

Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Nam Hải

